

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị
lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ
thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các
đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn
2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ
Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập năm 2018;*

*Căn cứ Công văn số 5924/BNV-TCBC ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ
Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của
tỉnh Cao Bằng năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 3282/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.041 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.747** biên chế (98,17%);

- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **289** biên chế (1,8%);

- Biên chế dự phòng: **05** biên chế (0,03%).

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.711** biên chế (35,60%); trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.443 biên chế (95,30%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 268 biên chế (4,70%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.325** biên chế (64,40%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.304 biên chế (99,80%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 21 biên chế (0,20%).

- Biên chế dự phòng: **05** biên chế (0,03%).

II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế, trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;

2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;

3. Dự phòng: 02 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /*gh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê

TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng) *W*

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Trong đó phân theo lĩnh vực											
		Tổng số		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
		Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.041	289	11.680	33	2.989	240	484	6	42	4	552	6
I	Sở, ban, ngành	5.711	268	1.763	12	2.989	240	298	6	42	4	351	6
1	Sở Nội vụ	15										15	
2	Sở Tư pháp	40	1									39	1
3	Sở Công Thương	24	1									23	1
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144										144	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75										75	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	24										24	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	2	129	2	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	2					216	2				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	4							40	4		

Trong đó phân theo lĩnh vực

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó														
		Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ lương từ nguồn thu sự nghiệp	Y tế	Văn hóa, thể thao	Khoa học	Kinh tế					
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.644	10	1.634	10													
11	Sở Y tế	3.164	240	2.924	240				240									
12	Sở Ngoại vụ	7		7														
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	14		14														
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	4	7	4													4
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	4	82	4					82	4							
16	Quỹ Phát triển đất	3		3														3
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2		2														2
II	UBND các huyện, thành phố	10.325	21	10.304	21				0	186	0	0	0	201	0			0
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.332	0	1.332	0					19								16
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.147	0	1.147	0					10								12
3	UBND huyện Hà Quảng	1.526	6	1.520	6					28								24
4	UBND huyện Hạ Lang	509	0	509	0					16								11

JW

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực											
		Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế			
		Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		
5	UBND huyện Hoà An	905	0	876		12						17			
6	UBND huyện Nguyên Bình	892	0	859		17						16			
7	UBND huyện Quảng Hoà	1.188	0	1.138		22						28			
8	UBND huyện Thạch An	659	0	630		16						13			
9	UBND huyện Trùng Khánh	1.231	5	1.174	5	26						26			
10	UBND thành phố Cao Bằng	936	10	868	10	20						38			
III	DỰ PHÒNG	5													
B	TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ	76													
I	Các hội ở cấp tỉnh	63													
1	Liên minh Hợp tác xã	14													
2	Hội Văn học nghệ thuật	7													
3	Hội Chữ thập đỏ	7													
4	Hội Người mù	5													

JW

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực														
		Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế						
		Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp					
5	Hội Đông y	6																
6	Hội Nhà báo	5																
7	Hội Khuyến học	1																
8	Hội Luật gia	1																
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1																
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6																
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1																
12	Hội Làm vườn	3																
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1																
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1																
15	Hội Kiến trúc sư	1																
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1																
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2																

Jh

Trong đó phân theo lĩnh vực

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực					
		Hưởng từ ngân sách nhà nước	Hưởng từ nguồn thu sự nghiệp	Giáo dục	Y tế	Văn hóa, thể thao	Khoa học	Kinh tế	
II	Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố	11							
1	Bảo Lâm	1							
2	Bảo Lạc	1							
3	Hà Quảng	2							
4	Hạ Lang	1							
5	Hòa An	1							
6	Nguyên Bình	1							
7	Quảng Hòa	1							
9	Thạch An	1							
12	Trùng Khánh	1							
13	Thành phố Cao Bằng	1							
III	DỰ PHÒNG	2							

M/V